|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  (Đề có 04 trang) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ 2**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Bài kiểm tra môn: Địa lí - Khối 12**  **Ban: Khoa học tự nhiên**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ: 650**  Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1.** Đâu là một trong những đặc điểm của mạng lưới đường ô tô của nước ta?

**A.** Hơn một nửa đã được trải nhựa. **B.** Về cơ bản đã phủ kín các vùng.

**C.** Đều chạy theo hướng Bắc - Nam. **D.** Mật độ cao nhất Đông Nam Á.

**Câu 2.** Vụ đông đã trở thành vụ chính của vùng

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 3.** Mộttrong những vấn đề lớn đối với việc phát triển rừng ở Tây Nguyên là

**A.** tình trạng rừng bị chặt phá và cháy rừng.

**B.** diện tích đất rừng ngày càng bị thu hẹp.

**C.** công tác trồng rừng gặp nhiều khó khăn.

**D.** các vườn quốc gia bị khai thác bừa bãi.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của ngành ngoại thương nước ta trong thời gian gần đây?

**A.** Hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu nhập khẩu.

**B.** Giá trị nhập khẩu tăng nhanh.

**C.** Mở rộng thị trường theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.

**D.** Giá trị xuất khẩu tăng nhanh.

**Câu 5.** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu **không** phát triển ở phía Bắc vì

**A.** xa nguồn nguyên liệu dầu - khí. **B.** nhu cầu về điện không nhiều.

**C.** vốn đầu tư xây dựng lớn. **D.** gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 6.** Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm

**A.** khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội. **B.** địa hình, sinh vật, làng nghề, ẩm thực.

**C.** địa hình, khí hậu, nước, sinh vật. **D.** địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

**Câu 7.** Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** lạc, mía, thuốc lá. **B.** dâu tằm, lạc, cói.

**C.** lạc, đậu tương, đay, cói. **D.** lạc, dâu tằm, bông, cói.

**Câu 8.** Nước ta cần phải xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt nhằm

**A.** nâng cao chất lượng sản phẩm. **B.** khai thác lợi thế về tài nguyên.

**C.** thích nghi với cơ chế thị trường. **D.** khai thác thế mạnh về lao động.

**Câu 9.** Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của nền nông nghiệp cổ truyền?

**A.** Năng suất lao động thấp. **B.** Đẩy nhanh chuyên môn hóa.

**C.** Sản xuất trên quy mô lớn. **D.** Gắn liền với dịch vụ nông nghiệp.

**Câu 10.** Đặc điểm sinh thái nông nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đồng bằng hẹp, vùng đồi trước núi, khí hậu có mùa đông lạnh vừa.

**B.** đồng bằng hẹp, khá màu mỡ, có nhiều vụng biển thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản.

**C.** đồng bằng lớn, nhiều đất phèn đất mặn, khí hậu có hai mùa mưa, khô đối lập.

**D.** đồng bằng lớn, đất lúa nước, sông ngòi nhiều, khí hậu có mùa đông lạnh.

**Câu 11.** Thế mạnh nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi nước ta là

**A.** cây lâu năm và chăn nuôi gia cầm.

**B.** cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.

**C.** chăn nuôi gia súc lớn và cây lương thực.

**D.** cây lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ.

**Câu 12.** Đặc điểm kinh tế - xã hội nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Năng suất lúa cao nhất cả nước. **B.** Dân số tập trung đông nhất cả nước.

**C.** Có lịch sử khai thác lãnh thổ sớm. **D.** Sản lượng lúa cao nhất cả nước.

**Câu 13.** Vấn đề nổi bật trong việc sử dụng đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** đất nhiều nơi bị thoái hóa, bạc màu.

**B.** khả năng mở rộng diện tích khá lớn.

**C.** phần lớn đất phù sa không được bồi đắp hàng năm.

**D.** diện tích đất nông nghiệp bị hoang mạc hóa nhiều.

**Câu 14.** Nhiều nhà máy thuỷ điện được xây dựng ở nước ta vì

**A.** giá thành xây dựng thấp. **B.** trình độ khoa học - kĩ thuật cao.

**C.** không tác động tới môi trường. **D.** tiềm năng thuỷ điện rất lớn.

**Câu 15.** Để sản xuất được nhiều nông sản hàng hóa cần đẩy mạnh

**A.** quảng canh, cơ giới hóa. **B.** luân canh và xen canh.

**C.** thâm canh, chuyên môn hóa. **D.** đa canh và xen canh.

**Câu 16.** Trong cơ cấu sản lượng điện nước ta hiện nay chiếm tỉ trọng cao nhất là

**A.** điện gió. **B.** thủy điện.

**C.** nhiệt điện. **D.** điện năng lượng mặt trời.

**Câu 17.** Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt.

**B.** đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** khai thác hợp lí và bảo vệ các nguồn lợi.

**D.** khai thác, nuôi trồng kết hợp chế biến.

**Câu 18.** Nguyên nhân nào làm cho diện tích cây công nghiệp phát triển mạnh mẽ ở nước ta trong những năm qua?

**A.** Sản phẩm không bị cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

**B.** Thị trường được mở rộng, công nghiệp chế biến dần hoàn thiện.

**C.** Nhà nước đã bao tiêu toàn bộ sản phẩm cây công nghiệp.

**D.** Các khâu trồng và chăm sóc cây công nghiệp được tự động hóa.

**Câu 19.** Tuyến vận tải đường sắt quan trọng nhất nước ta là

**A.** đường sắt Thống Nhất. **B.** Hà Nội - Lào Cai.

**C.** Hà Nội - Hải Phòng. **D.** Hà Nội - Đồng Đăng.

**Câu 20.** Vùng có số lượng đàn bò thịt phát triển nhất ở nước ta là

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 21.** Khu công nghiệp tập trung có đặc điểm nào sau đây?

**A.** ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.

**B.** có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.

**C.** thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

**D.** thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn.

**Câu 22.** Sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào sự phân bố của

**A.** các ngành sản xuất. **B.** dân cư.

**C.** trung tâm du lịch. **D.** tài nguyên du lịch.

**Câu 23.** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cà phê. **B.** Cao su. **C.** Chè. **D.** Dừa.

**Câu 24.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

**A.** Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.

**B.** Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

**C.** Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

**D.** Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

**Câu 25.** Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2018.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | Phương tiện vận tải *(Triệu lượt người.km )* | | | |
| **Đường sắt** | **Đường bộ** | **Đường thuỷ** | **Đường hàng không** |
| 2015 | 154664,7 | 4149,6 | 105382,2 | 3064,5 | 42068,4 |
| 2016 | 169076,9 | 3421,6 | 114198,8 | 3219,9 | 48236,6 |
| 2017 | 186834,4 | 3625,1 | 125390,3 | 3504,6 | 54314,4 |
| 2018 | 206672,7 | 3542,1 | 130774,7 | 4499,9 | 67856,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng số lượt hành khách luân chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2015-2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Tròn. **C.** Cột. **D.** Đường.

**Câu 26.** Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm**  **Thành phần kinh tế** | **2005** | **2015** |
| Nhà nước | 25.1 | 15.2 |
| Ngoài Nhà nước | 17.8 | 23.3 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 43.7 | 41.7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2005 và 2015, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Tròn. **C.** Đường. **D.** Cột.

**Câu 27.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Campuchia?

**A.** Mộc Bài, Lao Bảo. **B.** Lao Bảo, Hoa Lư.

**C.** Vĩnh Xương, Mộc Bài. **D.** Cha Lo, Xa Mát.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào?

**A.** Cao Bằng. **B.** Hà Giang. **C.** Lạng Sơn. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 29.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, hãy cho biết tuyến đường biển nào sau đây quan trọng nhất của nước ta?

**A.** Đà Nẵng – TP. Hồ Chí Minh. **B.** Hải Phòng – Đà Nẵng.

**C.** TP. Hồ Chí Minh – Hải Phòng. **D.** Đà Nẵng – Quy Nhơn.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, hãy cho biết địa danh nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

**A.** Phong Nha – Kẻ Bàng. **B.** Cố đô Huế.

**C.** Thánh địa Mỹ Sơn. **D.** Phố cổ Hội An.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng trên 60% so với diện tích toàn tỉnh?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Đắk Lắk. **D.** Tuyên Quang.

**Câu 32.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, hãy cho biết mỏ Apatit có nhiều ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Yên Bái. **B.** Sơn La. **C.** Lai Châu. **D.** Lào Cai.

**Câu 33.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Vinh. **B.** Nam Định. **C.** Huế. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 34.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực trên 90%?

**A.** Nam Định. **B.** Hòa Bình. **C.** Phú Thọ. **D.** Nghệ An.

**Câu 35.** Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

GIAI ĐOẠN 2016 - 2018.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Thành phần kinh tế** *(****Triệu lượt người*** *)* | | |
| **Kinh tế nhà nước** | **Kinh tế ngoài Nhà nước** | **Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài** |
| 2016 | 3623,2 | 541,6 | 3063,0 | 18,6 |
| 2017 | 4027,1 | 589,2 | 3418,7 | 19,2 |
| 2018 | 4291,5 | 626,1 | 3645,8 | 19,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng?

**A.** Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng chậm nhất.

**B.** Khu vực kinh tế Nhà nước tăng nhanh nhất.

**C.** Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhanh nhất.

**D.** Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm 2018 tăng gấp 1,5 lần năm 2016.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, trung tâm công nghiệp Hải Phòng có giá trị sản xuất công nghiệp là

**A.** dưới 9 nghìn tỉ đồng. **B.** từ trên 40-120 nghìn tỉ đồng.

**C.** từ 9-40 nghìn tỉ đồng. **D.** trên 120 nghìn tỉ đồng.

**Câu 37.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô vừa thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Hải Dương, Nam Định. **B.** Nam Định, Hạ Long.

**C.** Hải Phòng, Hải Dương. **D.** Hải Phòng, Nam Định.

**Câu 38.** Cho bảng số liệu sau:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: Tỉ USD)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2012** | **2016** | **2017** | **2018** |
| **Xuất khẩu** | 114,5 | 176,6 | 215,1 | 243,5 |
| **Nhập khẩu** | 113,8 | 174,8 | 213,0 | 236,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây không đúng?

**A.** Nước ta xuất siêu trong giai đoạn 2012-2018.

**B.** Giá trị xuất khẩu tăng không liên tục từ năm 2012-2018.

**C.** Giá trị nhập khẩu tăng liên tục từ năm 2012-2018

**D.** Trong giai đoạn 2012-2018 giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn giá trị nhập khẩu.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Thương mại, hãy cho biết trong cơ cấu hàng xuất khẩu, nhóm hàng nào chiếm tỉ trọng cao nhất?

**A.** Công nghiệp nặng và khoáng sản. **B.** Nông, lâm sản.

**C.** Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. **D.** Thủy sản.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, hãy cho biết địa danh nào sau đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới?

**A.** Lò Gò – Xa Mát. **B.** U Minh Thượng. **C.** Mũi Cà Mau. **D.** Tràm Chim.

-------------------Hết------------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục; giám thị không giải thích gì thêm.*